FireAnt

CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (UPCOM: LCM)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	1,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	1,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,000
SL cổ phiếu LH	24,632,809
KLGD BQ 20 phiên (CP)	41,290
% sở hữu nước ngoài	4.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	30
P/E	-31.6
EPS	-38

	YTD	1T	3T	6T
LCM	9.1%	0.0%	0.0%	-7.7%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

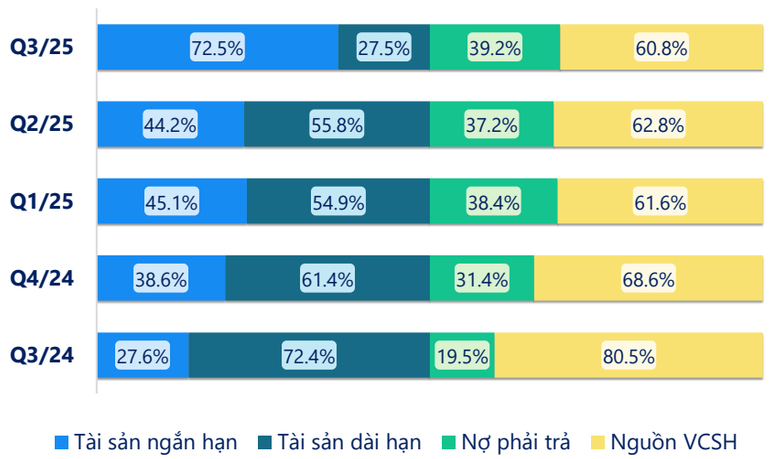

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

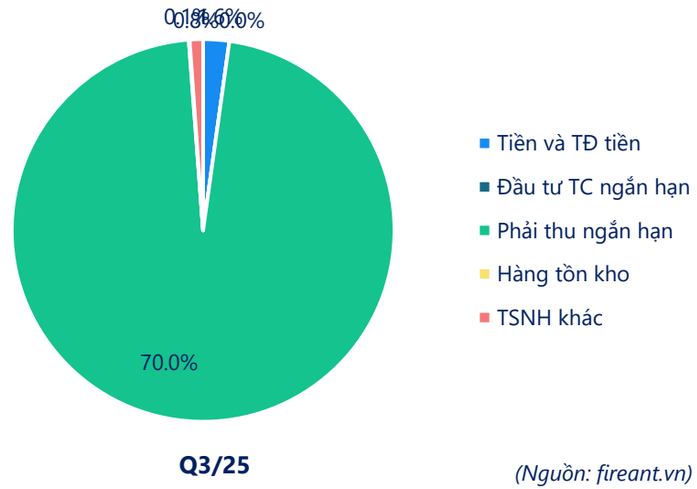

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

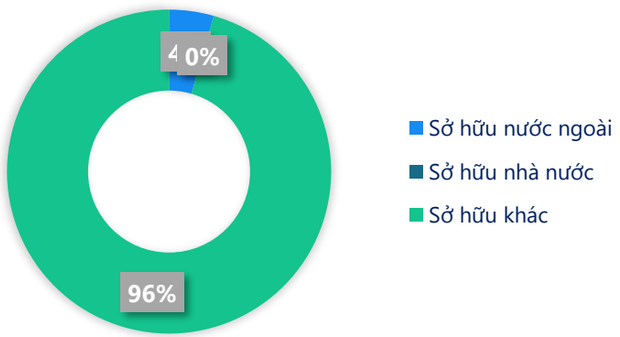

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

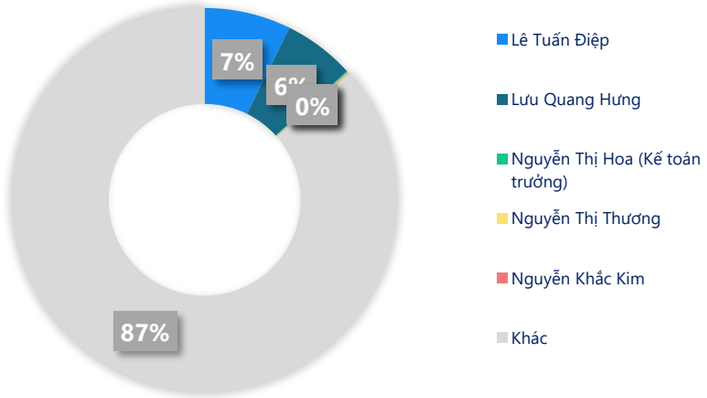

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

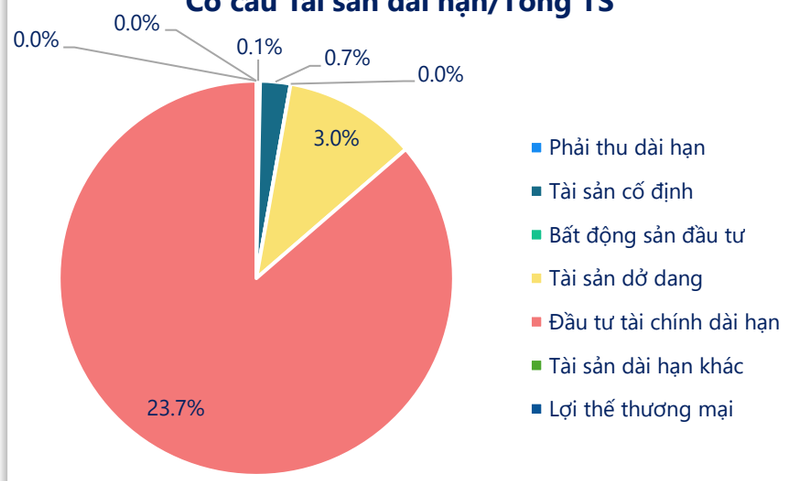

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (UPCOM: LCM)

Tiền và tương đương tiền

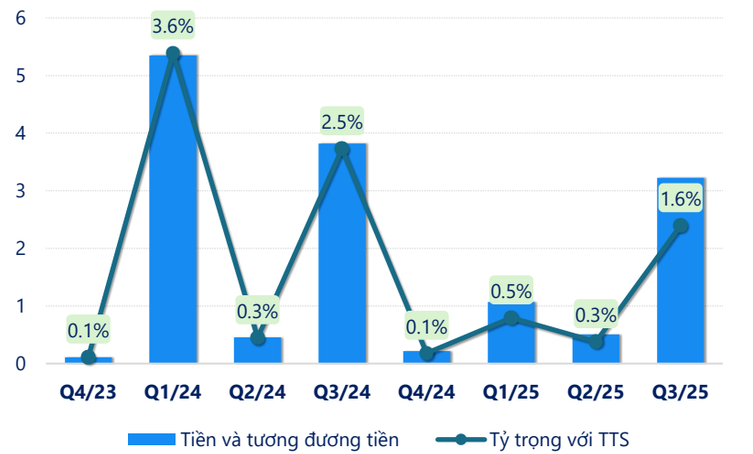

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

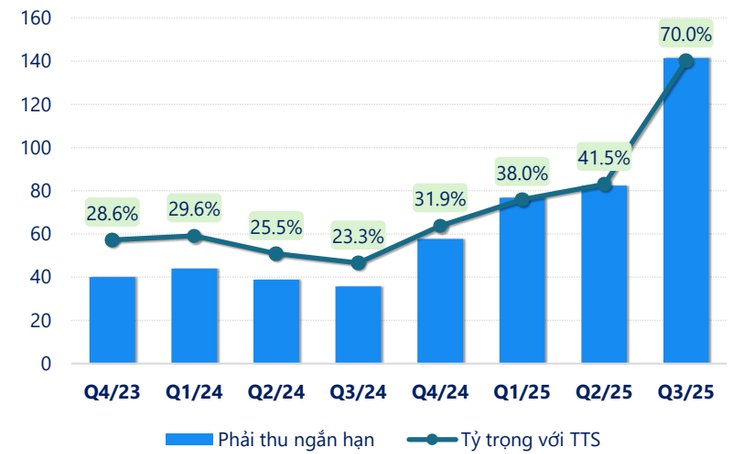

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

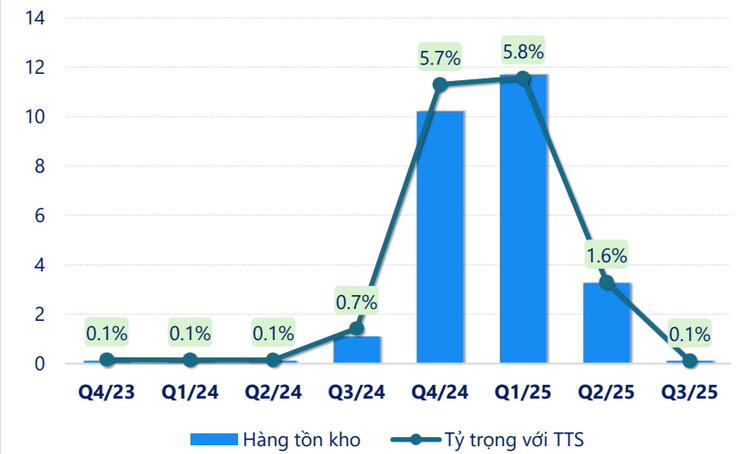

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

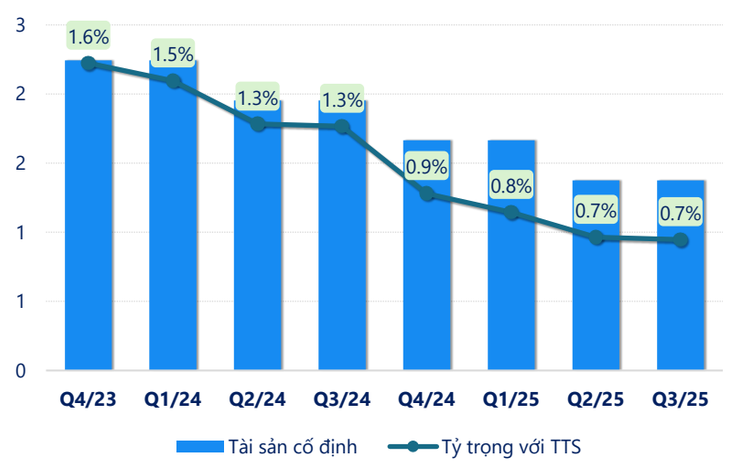

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

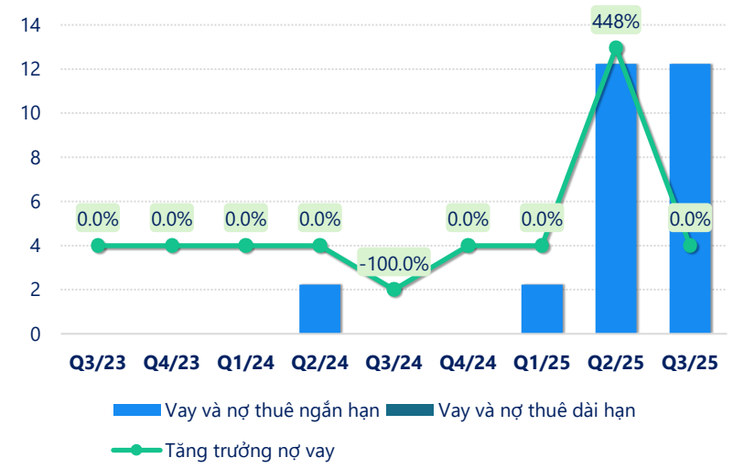

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

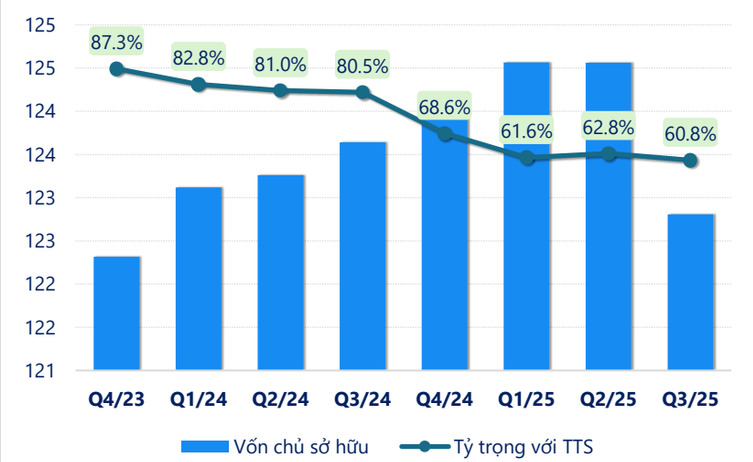

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (UPCOM: LCM)

Kết quả kinh doanh

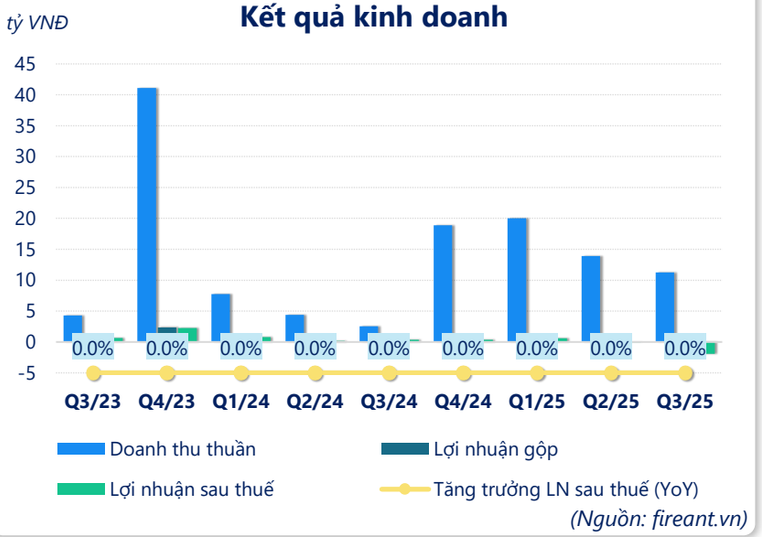

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

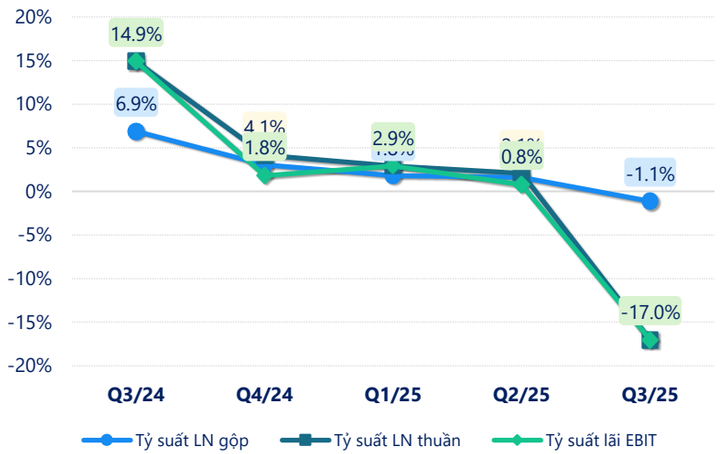

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

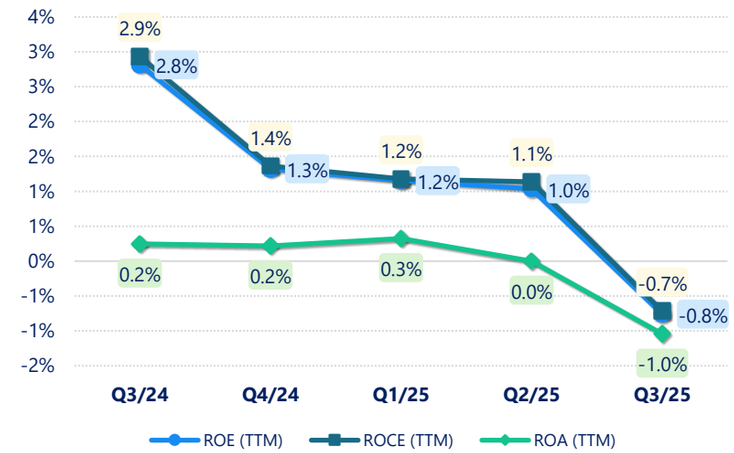

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

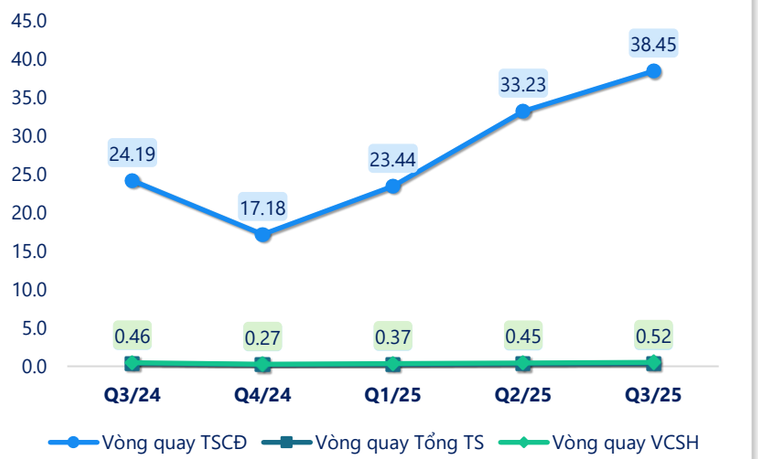

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

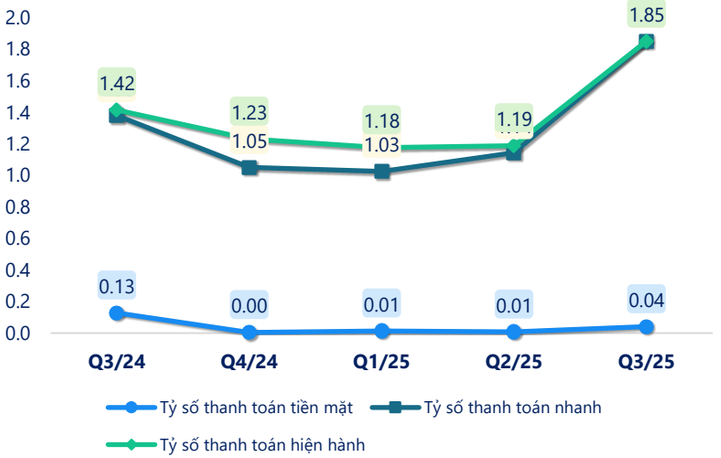

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

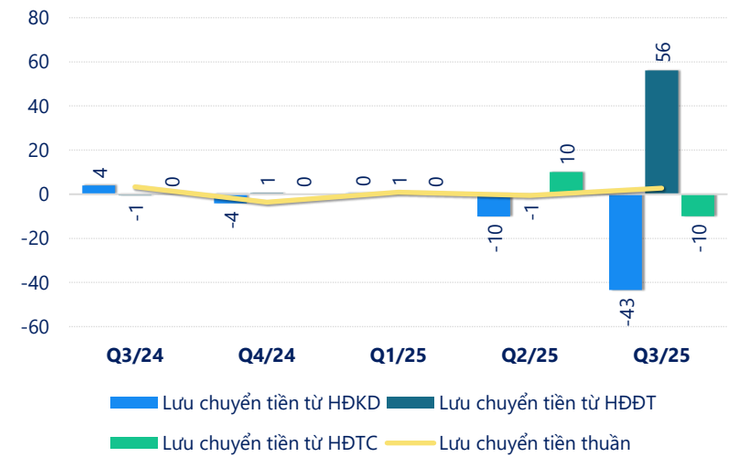

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Khai thác và Chế biến Khoáng sản Lào Cai (UPCOM: LCM)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**202**	**170**	**18.5%**
Tài sản ngắn hạn	146	59.4	146%
Tiền và tương đương tiền	3.22	0.22	1383%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	141	57.2	147%
Hàng tồn kho	0.11	0.32	-66.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.65	1.66	-0.9%
Tài sản dài hạn	**55.5**	**111**	**-50.0%**
Phải thu dài hạn	0.17	55.3	-99.7%
Tài sản cố định	1.38	1.67	-17.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	6.03	6.03	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	47.9	47.9	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**0**	**0**	
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	79.0	46.3	70.6%
Nợ ngắn hạn	**79.0**	**46.3**	**70.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	12.2	2.23	448%
Phải trả người bán ngắn hạn	63.2	40.5	56.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**123**	**124**	**-0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**123**	**124**	**-0.9%**
Vốn điều lệ	246	246	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	2.55	18.9	20.0	13.9	11.2
Giá vốn hàng bán	2.38	18.3	19.6	13.7	11.4
Lợi nhuận gộp	0.18	0.57	0.36	0.22	-0.13
Doanh thu HĐTC	0.52	0.52	0.51	0.53	0.00
Chi phí TC	0.00	0.00	0.00	0.11	0.32
Chi phí lãi vay	0	0	0	0.11	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	0.32	0.31	0.28	0.35	1.47
LN thuần từ HĐKD	0.38	0.78	0.58	0.29	-1.91
Lợi nhuận khác	0	-0.44	0	-0.29	0
LN trước thuế	0.38	0.34	0.58	0.00	-1.91
Lợi nhuận sau thuế	0.38	0.34	0.58	0.00	-1.91
LNST của CĐ cty mẹ	0.36	0.35	0.57	0.00	-1.86

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	3.96	-4.13	0.34	-10.1	-43.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.60	0.53	0.51	-0.51	56.2
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	10.0	-10.0
Tiền đầu kỳ	0.46	3.82	0.22	1.07	0.50
Lưu chuyển tiền thuần	**3.36**	**-3.60**	**0.85**	**-0.57**	**2.72**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.82	0.22	1.07	0.50	3.22

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic